TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5- 2025
V/v tranh chấp ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Thảo, ông Nguyễn Hữu Long

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 993/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 70/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Ánh C (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Trần Trung T (Vắng mặt)

Địa chỉ: 2 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn bà Lê Nguyễn Ánh C trình bày:** Tôi và ông Trần Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa giải được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Vợ chồng tôi sinh sống và xảy ra mâu thuẫn tại địa chỉ 2 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo H – sinh ngày 19/11/2014 và cháu Trần Bảo K – sinh ngày 22/12/2019. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Trung T vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày**:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Nguyễn Ánh C. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Ánh C được ly hôn với ông Trần Trung T. Về con chung: Giao cháu 02 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo H – sinh ngày 19/11/2014 và cháu Trần Bảo K – sinh ngày 22/12/2019 cho ông Trần Trung T thăm nom chăm sóc con chung cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên

Ông Trần Trung T được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Nguyễn Ánh C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Ánh C yêu cầu ly hôn với ông Trần Trung T, địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "*Tranh chấp ly hôn và con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Ánh C đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Trung T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Ánh C và ông Trần Trung T tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/5/2014 trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Lê Nguyễn Ánh C và ông Trần Trung T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không có tiếng nói chung.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện quá trình chung sống tại địa phương bà Lê Nguyễn Ánh C và ông Trần Trung T không đề nghị địa phương tiến hành hòa giải nên không nắm được mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà Lê Nguyễn Ánh C xét thấy không còn tình cảm với ông Trần Trung T, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến

mâu thuẫn cuộc sống kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lê Nguyễn Ánh C, cho bà Lê Nguyễn Ánh C được ly hôn với ông Trần Trung T

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Lê Nguyễn Ánh C và ông Trần Trung T có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo H – sinh ngày 19/11/2014 và cháu Trần Bảo K – sinh ngày 22/12/2019. Quá trình giải quyết vụ án cháu H có nguyện vọng ở với mẹ, bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung. Nên Hội đồng xét xử xét thấy để phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cháu Trần Ngọc Bảo H – sinh ngày 19/11/2014 và cháu Trần Bảo K – sinh ngày 22/12/2019 cho bà Lê Nguyễn Ánh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Ánh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, bị đơn ông Trần Trung T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Ánh C

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Ánh C được ly hôn với ông Trần Trung T

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Ngọc Bảo H – sinh ngày 19/11/2014 và cháu Trần Bảo K – sinh ngày 22/12/2019 cho bà Lê Nguyễn Ánh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi)

Các đương sự được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: Bà Lê Nguyễn Ánh C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000502 ngày 13/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Tp. BMT;*
- *Chi Cục THADS Tp. BMT;*
- *Đương sự;*
- *UBND phường Tân Lập;*
- *Lưu hồ sơ tại tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hoài Trang